

NGÂN HÀNG TMCP SÀI GÒN
927 TRẦN HƯNG ĐẠO, PHƯỜNG 1, QUẬN 5, TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TOÀN HÀNG - HỢP NHẤT -

Quý III - 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT QUÝ III NĂM 2018

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Số cuối quý	Số đầu năm
A	TÀI SẢN	499.355.387	444.031.748
I	Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	2.029.128	2.655.088
II	Tiền gửi tại NHNN	7.895.990	9.235.546
III	Tiền gửi và cho vay các TCTD khác	24.467.531	24.048.346
1	- Tiền gửi tại các TCTD khác	24.467.531	23.997.568
2	- Cho vay các TCTD khác	-	50.778
3	- Dự phòng rủi ro (*)	-	-
IV	Chứng khoán kinh doanh	43.890	61.926
1	- Chứng khoán kinh doanh	57.265	71.678
2	- Dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh (*)	(13.375)	(9.752)
V	Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	-	-
VI	Cho vay khách hàng	297.988.563	264.150.725
1	- Cho vay khách hàng	301.009.488	266.500.992
2	- Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng (*)	(3.020.925)	(2.350.267)
VII	Hoạt động mua nợ	11.755	11.755
1	- Mua nợ	12.374	12.374
2	- Dự phòng rủi ro hoạt động mua nợ (*)	(619)	(619)
VIII	Chứng khoán đầu tư	63.183.003	73.818.751
1	- Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	38.534.770	43.179.631
2	- Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	29.925.112	34.146.232
3	- Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư (*)	(5.276.879)	(3.507.112)
IX	Góp vốn, đầu tư dài hạn	28.626	28.626
1	- Đầu tư vào công ty con	-	-
2	- Vốn góp liên doanh	-	-
3	- Đầu tư vào công ty liên kết	-	-
4	- Đầu tư dài hạn khác	28.788	28.788
5	- Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn khác(*)	(162)	(162)
X	Tài sản cố định	3.815.564	3.982.821
1	- Tài sản cố định hữu hình	1.888.429	1.667.376
	* Nguyên giá TSCĐ	2.836.439	2.554.900
	* Hao mòn TSCĐ	(948.010)	(887.524)
2	- Tài sản cố định thuê tài chính	-	-
	* Nguyên giá TSCĐ	-	-
	* Hao mòn TSCĐ	-	-
3	- Tài sản cố định vô hình	1.927.135	2.315.445
	* Nguyên giá TSCĐ	2.182.257	2.517.313
	* Hao mòn TSCĐ	(255.122)	(201.868)
XI	Bất động sản đầu tư	-	-
	* Nguyên giá BĐSĐT	-	-
	* Hao mòn BĐSĐT	-	-
XII	Tài sản có khác	99.891.337	66.038.164
1	- Các khoản phải thu	54.485.130	24.202.072
2	- Các khoản lãi và phí phải thu	45.348.768	41.664.912
3	- Tài sản thuế TNDN hoãn lại	4.543	4.543
4	- Tài sản có khác	704.549	716.957
	Trong đó: Lợi thế thương mại	-	-
5	Các khoản DP rủi ro cho các TS có nội bảng khác (*)	(651.653)	(550.320)
TỔNG TÀI SẢN CÓ		499.355.387	444.031.748



[Signature]

STT	Chỉ tiêu	Số cuối quý	Số đầu năm
B	NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU	499.355.387	444.031.748
I	Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	32.394	38.134
II	Tiền gửi và vay các TCTD khác	64.835.197	64.387.247
1	- Tiền gửi của các TCTD khác	26.336.690	24.567.175
2	- Vay TCTD khác	38.498.507	39.820.072
III	Tiền gửi của khách hàng	372.248.371	346.402.517
IV	Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	4.587	37.444
V	Vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	-	-
VI	Phát hành giấy tờ có giá	34.448.800	6.924.000
VII	Tài sản nợ khác	12.235.374	10.712.081
1	- Các khoản lãi và phí phải trả	9.906.895	8.613.921
2	- Thuế TNDN hoãn lại phải trả	-	-
3	- Các khoản phải trả và công nợ khác	2.328.479	2.098.160
4	- Dự phòng rủi ro khác	-	-
	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ	483.804.723	428.501.423
VIII	Vốn và các quỹ	15.550.664	15.530.325
1	Vốn của TCTD	14.312.486	14.312.486
	* Vốn điều lệ	14.294.801	14.294.801
	* Vốn đầu tư XDCB	45	45
	* Thặng dư vốn cổ phần	95.912	95.912
	* Cổ phiếu quỹ (*)	(87.709)	(87.709)
	* Cổ phiếu ưu đãi	-	-
	* Vốn khác	9.437	9.437
2	Quỹ của TCTD	467.604	467.604
3	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	(85.714)	-
4	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	-	-
5	Lợi nhuận chưa phân phối/Lỗ lũy kế	684.988	591.603
	* Lợi nhuận chưa phân phối năm trước	529.014	471.347
	* Lợi nhuận kỳ này	155.974	120.256
6	Lợi ích cổ đông thiểu số	171.300	158.632
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	499.355.387	444.031.748

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Chỉ tiêu	Số cuối quý	Số đầu năm
1	Bảo lãnh vay vốn	62.531	74.531
2	Cam kết giao dịch hối đoái	21.994.815	29.573.214
	Cam kết mua ngoại tệ	1.418.585	1.608.907
	Cam kết bán ngoại tệ	1.138.992	1.407.219
	Cam kết giao dịch hoán đổi	19.437.238	26.557.088
	Cam kết giao dịch tương lai	-	-
3	Cam kết cho vay không huỷ ngang	-	-
4	Cam kết trong nghiệp vụ L/C	2.485.350	274.896
5	Bảo lãnh khác	14.458.202	12.030.115
6	Cam kết khác	12.765.154	1.218.130

Lập bảng

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

NGUYỄN THỊ NGỌC HÀ

NGUYỄN VĂN HÙNG

VÕ TẤN HOÀNG VĂN

TP.HCM, ngày 30 tháng 10 năm 2018



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT QUÝ III NĂM 2018

ĐVT: Triệu đồng

STT	Các chỉ tiêu	Quý III		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
		Năm 2018	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2017
1	Thu nhập từ lãi và các khoản thu nhập tương tự	8.456.180	7.145.151	25.119.064	19.644.291
2	Chi phí lãi và các khoản chi phí tương tự	7.677.445	6.440.331	21.651.466	18.062.100
I	Thu nhập lãi thuần	778.735	704.820	3.467.598	1.582.191
3	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	526.503	366.650	1.308.822	1.067.156
4	Chi phí hoạt động dịch vụ	152.253	136.502	420.858	431.991
II	Lãi/Lỗ thuần từ hoạt động dịch vụ	374.250	230.148	887.964	635.165
III	Lãi/Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	97.756	17.851	113.565	6.113
IV	Lãi/Lỗ thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	8.094	8.939	4.410	14.398
V	Lãi/Lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	69.032	(4.692)	315.812	568.600
5	Thu nhập từ hoạt động khác	345.414	11.350	1.122.499	109.128
6	Chi phí hoạt động khác	16.075	8.727	606.346	74.410
VI	Lãi/ Lỗ thuần từ hoạt động khác	329.339	2.623	516.153	34.718
VII	Thu từ góp vốn, mua cổ phần	1.152	3.285	1.365	5.207
VIII	Chi phí hoạt động	894.765	955.687	2.566.361	2.223.169
IX	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro	763.593	7.287	2.740.506	623.223
X	Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	676.184	(74.020)	2.528.033	441.426
XI	Tổng lợi nhuận trước thuế	87.409	81.307	212.473	181.797
7	Chi phí thuế TNDN hiện hành	26.245	20.763	43.830	30.942
8	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-	-	-
XII	Chi phí thuế TNDN	26.245	20.763	43.830	30.942
XIII	Lợi nhuận sau thuế	61.164	60.544	168.643	150.855

Trong đó:

Lợi nhuận phân phối cho các cổ đông của Ngân hàng	155.975	141.069
Lợi nhuận của cổ đông không kiểm soát (NCI)	12.668	9.786
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng)	109,4	99,0

TP.HCM, ngày 30 tháng 10 năm 2018

Lập bảng

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

NGUYỄN THỊ NGỌC HÀ

NGUYỄN VĂN HÙNG

VÕ TẤN HOÀNG VĂN

